

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:16/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31/7/2019

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Trường Thoại

2. Bà Trần Bích Thủy

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Nữ Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phương Hồng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 457/2018/TLST-HNGĐ ngày 3 tháng 8 năm 2018; về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H; địa chỉ: xóm 5, thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Phan Cảnh Đ; Địa chỉ: 63 T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị Thanh N và ông Lê Ngọc Thanh S; Địa chỉ: 20/386 P, phường A, thành phố H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nhân dân thành phố Huế, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Trước khi kết hôn chị H và anh Đ có thời gian tìm hiểu được 03 năm đến năm 2005 tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố H vào ngày 28/7/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà ba mẹ anh Đ (địa chỉ: 63 T, phường T, thành phố H), quá trình chung sống vợ chồng có thời gian hạnh phúc được 10 năm thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau trong một thời gian dài, đã sống ly thân từ tháng 11/2016 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Vì vậy, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Cảnh Đ.

Bị đơn là anh Phan Cảnh Đ trình bày: Anh Đ và chị H tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 7 năm 2005 tại UBND phường T, có tổ chức lễ cưới, cưới xong thì 2 vợ chồng về chung sống tại nhà ba mẹ của anh Đ. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc trong khoảng 10 năm không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2015 do làm ăn thua lỗ, nên chị H bị vỡ nợ. Sau khi vỡ nợ, chị H đã bỏ nhà ra đi để lại con cho anh Đ nuôi. Hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 11/2016, anh Đ không đồng ý ly hôn nếu như chị H không trả những món nợ mà anh Đ không ký.

[2]. Về con chung: Chị H và anh Đ có 1 con chung là Phan Trần Tâm N, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2007. Hiện nay đang do anh Đ nuôi dưỡng. Anh Đ, chị H đều có yêu cầu xin được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Cháu Phan Trần Tâm N có nguyện vọng được ở với anh Đ nếu ba mẹ ly hôn.

[3]. Về tài sản chung: Chị H và anh Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Anh Đ và chị H có nợ vợ chồng chị Phan Thị Thanh N và anh Lê Ngọc Thanh S số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Anh Đ, chị H thống nhất mỗi người có nghĩa vụ trả cho vợ chồng chị Nhàn và anh Sơn số tiền 25.000.000 đồng. Tại phiên anh S và chị N đồng ý.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng không có vi phạm gì cần kiến nghị khắc phục.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh Đ. Giao cháu N cho anh Đ nuôi dưỡng, chị H không

phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung chị H và anh Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét. Về nợ chung buộc anh Đ, chị H mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng chị N và anh S số tiền 25.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị H tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 7 năm 2005 tại UBND phường T, thành phố H nên hôn nhân của chị H và anh Đ là hợp pháp.

Theo kết quả xác minh tại ông Lê Xuân Q, công chức tư pháp hộ tịch phường T thì: Chị H và anh Đ có đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại nhà bố mẹ anh Đ (Địa chỉ: 63 T, phường T, TP H). Về mâu thuẫn giữa hai vợ chồng thì địa phương không rõ. Tuy nhiên, vào năm 2015, do vợ chồng làm ăn thua lỗ nên chị H bỏ về quê và không ở tại nhà bố mẹ chồng nữa. Từ khoảng tháng 10/2016, vợ chồng anh Đ và chị H đã ly thân. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng chị H và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên Tòa, anh Đ đề nghị Hội đồng xét xử cho anh được ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị H.

[3]. Về con chung: Xét thấy, từ tháng 11/2016 đến nay cháu N do anh Đ nuôi, nguyện vọng của cháu muốn ở với anh Đ. Vì vậy, cần giao cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung: Chị H, anh Đ không yêu cầu nên không xét.

[5]. Về nợ chung: Buộc chị H, anh Đ mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng chị N và anh S 25.000.000 đồng.

[6]. Về án phí sơ thẩm: Chị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, chị H, anh Đ mỗi người phải nộp 1.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 466 Bộ luật dân sự; khoản 6

Điều 26; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị H.

[1]. Về hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn anh Phan Cảnh Đ.

[2]. Về con chung: Giao cháu Phan Trần Tâm N (sinh ngày 11/01/2007) cho anh Phan Cảnh Đ trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung: Chị H và anh Đ không yêu cầu nên không xét.

[4]. Về nợ chung: Buộc anh Phan Cảnh Đ phải trả cho vợ chồng chị Phan Thị Thanh N và anh Lê Ngọc Thanh S số tiền 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu đồng chẵn). Buộc chị Trần Thị H phải trả cho vợ chồng chị Phan Thị Thanh N và anh Lê Ngọc Thanh S số tiền 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành án đủ khoản tiền nói trên thì hàng tháng phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 005908 ngày 03/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Phan Cảnh Đ, chị Trần Thị H mỗi người phải nộp 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho chị Phan Thị Thanh N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 theo biên lai thu tiền số 006085 ngày 24/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP Huế;
- TAND tỉnh TT Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- UBND phường Tây Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Hồng Vân